TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2018/HSST
Ngày: 11-5-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy - Giáo viên hưu trí huyện Long Điền.

2. Bà Nguyễn Thị Di - Giáo viên hưu trí huyện Long Điền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Bá Khuyến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Phan Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 17/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018; Thông báo hoãn phiên tòa số 06/2018/TB-TA ngày 27/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/HSST-QĐ ngày 20/4/2018, đối với:

Các bị cáo:

1. Nguyễn Chí T, sinh năm: 1998, tại: Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi đăng ký HKTT: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Văn T, mẹ Trần Thị Th; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 25/5/2017 theo Lệnh tạm giam số 30/LB ngày 18/5/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. (có mặt)

2. Nguyễn Văn Th, sinh ngày 27/02/2000, tại: Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi đăng ký HKTT: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Văn T, mẹ Vũ Thị M; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 25/5/2017 theo Lệnh tạm giam số 31/LB ngày 18/5/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. Ngày 10/10/2017 được thay thế

biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số 03/QĐ-VKS ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Th: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1973. Địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (ông T vắng mặt, bà M có mặt)

3. Nguyễn Văn C (Tý Đốt, Tuấn), sinh năm 1997, tại: Nam Định. Nơi đăng ký HKTT: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Văn Tiến, mẹ Trần Thị Liên; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 06/02/2018 theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 105/LTG ngày 05/02/2018 của Công an thành phố V trong một vụ án khác. (có mặt)

4. Nguyễn Vũ H, sinh ngày 10/11/1999, tại: tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi đăng ký HKTT: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Vũ H, mẹ Nguyễn Thị Đ; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 16/10/2017 theo Lệnh tạm giam số 52/LB ngày 29/9/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H: Ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (ông H vắng mặt, bà Đ có mặt)

5. Nguyễn Ngọc H1 (Bi), sinh ngày 12/10/1999, tại: tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi đăng ký HKTT: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Ngọc X, mẹ Hồ Thị Ch; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H1: Ông Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1978 và bà Hồ Thị Ch, sinh năm 1976. Địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (ông X vắng mặt, bà Ch có mặt)

6. Nguyễn Phước H2, sinh ngày: 04/6/2000, tại: tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi đăng ký HKTT: xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Kim C, mẹ Bùi Thị C (đã chết); Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H2: Ông Nguyễn Kim C, sinh năm 1974. Địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (có mặt)

7. Mai Thanh S (Tí) sinh ngày: 05/4/2002, tại: tỉnh Nam Định. Nơi đăng ký HKTT: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Mai Văn T, mẹ Nguyễn Thị D; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo S: Ông Mai Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982. Địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (ông T vắng mặt, bà D có mặt)

6. Đặng Văn N (Cún), sinh ngày 10/02/2001, tại: tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi đăng ký HKTT: thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Chỗ ở hiện nay: xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Nghề nghiệp: học nghề sửa xe; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Đặng Văn C, mẹ Trần Thị H; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo N: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1972 và bà Trần Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (bà H có mặt, ông C vắng mặt)

- Bị hại: Anh Lê Văn Th, sinh ngày 19/5/1999. Địa chỉ: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Lê Văn V, sinh năm 1964. Địa chỉ: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 2, ấp Hải Sơn, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Th và bị cáo H2: Ông Lê Minh Phúc - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo S, H1, H, N: Luật sư Trần Anh Dũng - Công ty Luật TNHH Anh Dũng thuộc Đoàn luật luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mẫu thuẫn từ trước nên vào khoảng 19 giờ ngày 31/01/2017, Nguyễn Văn Th và Phạm Văn Chiến hẹn gặp nhau tại khu vực đường số 7 thuộc khu phố Hải Bình, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền để giải quyết mâu thuẫn. Sau khi hẹn, Th liền nói cho Mai Thanh S - bạn làm việc chung với Th biết sự việc và rủ S đi cùng. Tiếp theo, Th gọi điện thoại cho Nguyễn Nhật Long nói có chuyện nhờ Long giúp đỡ và hỏi L "có đồ không" (nghĩa là có dao mã tấu không), L nói có.

Th hẹn gặp L tại tiệm kinh doanh Gas "M" thuộc xã H, huyện Đ và điện thoại tiếp cho Nguyễn Vũ H, Nguyễn Ngọc H1 (Bi) là em ruột của L, Nguyễn Văn C (Tuấn) và Đoàn (chưa rõ lai lịch) nói có việc mâu thuẫn với Chiến nhờ đến giúp đỡ, tất cả đều đồng ý. L chạy xe về nhà lấy 03 con dao tự chế và đến quán Mì Cay tại thị trấn H, huyện Đ nơi H1 đang làm việc chở H1 cùng đi đến tiệm Gas "M" gặp Th. L đưa cho Th 03 cây dao tự chế, Th lấy thêm 01 cây dao tự chế của mình rồi bỏ 04 cây dao vào 01 bao tải đưa cho Long cầm. Sau đó, Th, S, L, H1 đi đến khu vực đầu đường hẻm đối diện Nhà sách Bạch Đằng trên đường số 7 thuộc khu phố B, thị trấn H, huyện L Điền gặp H, C và Đoàn đang đứng đợi. Đến nơi, L lấy bao tải đựng dao tự chế giấu vào trong bụi cây gần đó. C và Th đi vào trong đường hẻm nói chuyện với nhóm của Ch, những người còn lại đứng ở ngoài. Khoảng 15 phút sau, C và Th đi ra, Th kêu cả nhóm đi về do đã nói chuyện hòa giải xong rồi. Sau đó, Th chở S đến Nhà thờ L chơi hội chợ.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đang chơi hội chợ S nói cho Th biết việc Ch gọi điện thoại muốn gặp Th và hẹn gặp nhau tại địa điểm cũ. Nghe vậy, Th tiếp tục gọi cho nhóm bạn của mình gồm L, H, H1, C và Đoàn đến để giúp Th và hẹn gặp tại khu vực đường sân bay thuộc ấp T, xã H, huyện Đ. Lúc này, L đang ngồi uống rượu cùng với Đặng Văn N nên chở N cùng đi với Long. H gọi điện thoại cho Nguyễn Chí T nói Th xảy ra chuyện và kêu T xuống giúp, T đồng ý. T một mình điều khiển xe mô tô chạy đến. Khi Th cùng nhóm của mình đang đứng đợi thêm người thì Th gặp Nguyễn Phước H2 (là bạn của Th) nên Th gọi H2 lại nói với H2 có một nhóm khác hẹn gặp đánh nhau với Th và nhờ H2 đi cùng giúp đỡ, H2 đồng ý. Khi tất cả đã đến đông đủ, Th lấy dao tự chế phân chia ra cho mỗi người cầm một cây. Th điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau cầm 01 cây dao, Long điều khiển xe mô tô chở N ngồi sau cầm 01 cây dao, H1 điều khiển xe mô tô chở H ngồi sau cầm 01 cây dao, C, Đ, S và H2 mỗi người điều khiển xe mô tô đi một mình (còn một cây dao tự chế chưa xác định được ai cầm). Cả nhóm cùng nhau đi đến khu vực đầu đường hẻm đối diện Nhà sách Bạch Đằng trên đường số 7 thuộc khu phố B, thị trấn H, huyện Đ. Đến nơi, Th chở T dẫn đầu đi trước chạy vào trong đường hẻm thì thấy Ch đang đứng cùng với Lê Văn Th, Nguyễn Văn T, Trần C Nghĩa Nh. Khi thấy nhóm của Th cầm theo hung khí xông vào, Ch, Th, Văn T và Nh bỏ chạy. Th chở T rượt đuổi theo, những người còn lại trong nhóm của Th chạy phía sau cầm hung khí cũng rượt đuổi theo nhóm của Ch. Trong lúc bỏ chạy, Th đụng vào cây cột điện bên đường hẻm té ngã xuống đường. Thấy Th bị té ngã ngồi dưới đường, Th điều khiển xe chở T chạy đến gần chỗ Th đang ngồi, T ngồi sau xe cầm cây dao tự chế chém một nhát từ trên xuống trúng vào đầu của Th gây thương tích. Sau đó, Th điều khiển xe quay đầu lại và kêu cả nhóm đi về. Nhóm của Th chạy về lại khu vực đường sân bay thuộc ấp Txã H, huyện Đ. Trên đường đi T vứt bỏ cây dao tự chế dùng để chém Th xuống khu vực ruộng gần đó (hiện không thu hồi được). Th lấy lại cây dao mã tấu của Th, L lấy lại 02 cây dao mã tấu của L rồi tất cả bỏ đi về nhà. Riêng Th sau khi bị chém gây thương tích được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Bà Rịa.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Chí T, Mai Thanh S, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Ngọc H1, Đặng Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phước H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án gồm: 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 86cm, cán tròn bằng kim loại dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 68cm, bản lưỡi dao rộng 5,2cm; 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 81cm, cán tròn bằng kim loại dài 18cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 63cm, bản lưỡi dao rộng 5,3cm; 01 cây dao tự chế có cán màu đen, lưỡi màu trắng dài 90cm, rộng 05cm, đầu lưỡi nhọn, cán tròn bằng kim loại quấn băng keo màu đen dài 21cm, lưỡi bằng kim loại dài 69cm. Hiện đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ quản lý, chờ xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 76/TgT ngày 28/3/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận thương tích của Lê Văn Th như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương sọ não hở vùng thái dương đính phải, đã phẫu thuật cấp cứu. Hiện chưa lắp nắp sọ, còn yếu chi trên và chi dưới bên trái mức độ nhẹ.

2. Về vật gây thương tích, chiều hướng, lực tác động: Thương tích trên phù hợp với tổn thương cơ bản là "vết chém, băm, bổ" được gây ra do sự tác động của vật cứng có cạnh sắc, tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ trên xuống dưới.

3. Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là: 65% *(Sáu mươi lăm phần trăm).*

Về phần trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T (cha bị cáo Th) bồi thường 50.000.000đ, bà Trần Thị Th (mẹ bị cáo T) bồi thường 50.000.000đ, bà Nguyễn Thị Đ (mẹ bị cáo H) bồi thường 10.000.000đ) bà Trần Thị H (mẹ bị cáo N) bồi thường 17.000.000đ, bà Hồ Thị Ch (mẹ bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, bà Nguyễn Thị D (mẹ bị cáo S) đã bồi thường 5.000.000đ. Đại diện hợp pháp của bị hại cũng có đơn bãi nại cho bị cáo T, Th và N.

Bản cáo trạng số 07/QĐ-KSĐT ngày 08/01/2018 truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Chí T, Mai Thanh S, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Ngọc H1, Đặng Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phước H2 về tội "Cố ý gây thương tích" khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Các ông/bà Đ thỏa thuận thuận bồi thường thêm cho bị hại 15.000.000đ, bà Ch thỏa thuận bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000đ, bà D thỏa thuận bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000đ, ông C (cha bị cáo H2) thỏa thuận bồi thường cho bị hại 5.000.000đ, bị cáo C thỏa thuận bồi thường cho bị hại 10.000.000đ.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Th, H2: Thống nhất với Đại diện VKS về điều luật áp dụng. Tuy nhiên mức đề nghị của Kiểm sát viên còn cao, đề nghị HĐXX xử phạt bc Th mức án 5 năm tù, bị cáo H2 3 năm tù.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H, H1, S và N: Thống nhất với Đại diện VKS về điều luật áp dụng. Tuy nhiên, các bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu mức đề nghị của KSV còn cao, đề nghị HĐXX xử phạt bc H 03 năm tù, bị cáo H1 3 năm tù, bị cáo N 2 năm tù, bị cáo S 2 năm tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo Th, H2, H, H1, S và N đồng ý với lời bào chữa của bào chữa không bổ sung gì và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo N xin được hưởng án treo vì hiện đang còn học nghề.

- Đại diện hợp pháp của các bị cáo Th, H2, H, H1, S và N đồng ý với lời bào chữa của bào chữa không bổ sung gì thêm. Đại diện hợp pháp của bị cáo N xin cho bị cáo được hưởng án treo vì N còn đang học nghề sửa xe để nuôi bản thân vì gia đình hiện rất khó khăn.

- Đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, riêng bị cáo N đề nghị cho bị cáo mức nhẹ nhất vì gia đình bị cáo rất khó khăn và quan tâm chăm sóc khi bị hại Th điều trị bệnh, và đề nghị tạo điều kiện cho N tiếp tục học nghề.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th: Không có ý kiến, yêu cầu gì số tiền đã bồi thường cho bị hại. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Chí T từ 07-08 năm tù;

+ Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn C từ 05-06 năm tù,

+ Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, 101; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn Th từ 05-06 năm tù; Nguyễn Vũ H từ 03-04 năm tù; Nguyễn Ngọc H1 từ 03-04 năm tù; Đặng Văn N từ 02-03 năm tù; Mai Thanh S từ 02-03 năm tù.

+ Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, 101; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Phước H2 từ 03-04 năm tù.

+ Xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 03 con dao tự chế thu giữ trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định và lời khai của bị hại, của người làm chứng, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 31/01/2017, Nguyễn Văn Th đã có hành vi rủ Nguyễn Chí T, Nguyễn Nhật Long, Mai Thanh S, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Ngọc H1, Đặng Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phước H2 và Đoàn (chưa rõ lai lịch) cùng đi đến khu vực đường số 7 thuộc khu phố Hải Bình, thị trấn Long Hải, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để đánh nhau với nhóm của Phạm Văn Chiến mà Th đã hẹn với Chiến trước đó. Khi được tất cả đồng ý, Th điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau cầm 01 cây dao, Long điều khiển xe mô tô chở N ngồi sau cầm 01 cây dao, H1 điều khiển xe mô tô chở H cầm theo 01 cây dao, C, S, H2 và Đoàn điều khiển xe mô tô đi một mình cùng chạy đến đầu đường hẻm đối diện Nhà sách Bạch Đằng trên đường số 7. Khi thấy Ch cùng nhóm bạn gồm Lê Văn Th, Nguyễn Văn T, Trần C N Nh đang đứng trong đường hẻm, Th liền chở T chạy trước cùng với Long, S, H, H1, N, C, H2, Đoàn chạy theo sau rượt đuổi nhóm Ch. Trong lúc rượt đuổi, khi Th bị đụng vào cột điện té ngã xuống đường, Th chở T ngồi sau chạy đến dùng dao tự chế chém một nhát từ trên xuống trúng vào đầu của Lê Văn Th gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 65%. Do đó có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Chí T, Mai Thanh S, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Ngọc H1, Đặng Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phước H2 phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 điều 104 của Bộ luật hình sự.

[3] Các bị cáo nhận thức được sử dụng dao rựa, mã tấu là hung khí nguy hiểm có thể gây thương tích cho người khác nhưng các bị cáo vẫn cố ý sử dụng để chém bị hại. Mặc dù bị hại đã bỏ chạy để tránh sự truy đuổi của các bị cáo nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi chém bị hại gây thương tích. Hành vi của các bị cáo hết sức nguy hiểm, xem thường pháp luật, không những làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo Th là người chủ động rủ các bị cáo khác

tham gia, chuẩn bị công cụ phạm tội và là người trực tiếp chở T thực hiện hành vi chém gây thương tích cho bị hại, do đó bị cáo Th phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án rồi đến bị cáo T. Các bị cáo C, H, H1, S tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng cả hai lần đều tham gia với vai trò cho thấy giúp sức của các bị cáo rất tích cực; riêng H2, N chỉ tham gia một lần với vai trò thứ yếu nên các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm với vai trò của mình.

[5] Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo T, Th, H, N, H1 và S đã tác động cùng gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục một phần H2 quả cho bị hại; gia đình bị cáo N là người có công với cách mạng ông ngoại của bị cáo được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất; bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Các bị cáo N, S khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, Th, H, H1, và H2 chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi khi quyết định hình phạt.

[7] Xét thấy, bị cáo N là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng hiện bị cáo đang học nghề nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cho bị cáo cơ hội sửa sai lầm xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo giao về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp.

[8] Xử lý vật chứng: 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 86cm, cán tròn bằng kim loại dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 68cm, bản lưỡi dao rộng 5,2cm; 01 cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 81cm, cán tròn bằng kim loại dài 18cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 63cm, bản lưỡi dao rộng 5,3cm; 01 cây dao tự chế có cán màu đen, lưỡi màu trắng dài 90cm, rộng 05cm, đầu lưỡi nhọn, cán tròn bằng kim loại quấn băng keo màu đen dài 21cm, lưỡi bằng kim loại dài 69cm là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ thỏa thuận bồi thường thêm cho bị hại 15.000.000đ; bà Hồ Thị Ch thỏa thuận bồi thường thêm 5.000.000đ; bà Nguyễn Thị D thỏa thuận bồi thường thêm 5.000.000đ; ông Nguyễn Kim C (cha bị cáo H2) thỏa thuận bồi thường cho bị hại 5.000.000đ; bị cáo C thỏa thuận bồi thường cho bị hại 10.000.000đ. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận giữa của các đương sự.

[10] Xét ý kiến của Luật sư bào chữa đề nghị cho các bị cáo H, H1, S và N hưởng án treo. Xét thấy, các bị cáo H, H1 và S là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực nên để răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này của luật sư; đối với đề nghị cho bị cáo N hưởng án treo là phù hợp nên chấp nhận.

[11] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo về phần tội danh, điều khoản áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các ông/bà Nguyễn Thị Đ, Hồ Thị Ch, bà Nguyễn Thị D và bị cáo C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; ông Nguyễn Kim C là hộ cận nghèo có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn C (Tý Đốt, Tuấn), Nguyễn Vũ H, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Phước H2, Mai Thanh S (Tí), Đặng Văn N (Cún) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Chí T 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/5/2017.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91, 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Văn Th 06 (sáu) năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án. Được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến ngày 10/10/2017.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Văn C (Tý Đốt, Tuấn) 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 06/02/2018.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91, 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Vũ H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/10/2017.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91, 101 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Ngọc H1 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91, 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Nguyễn Phước H2 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 91, 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Mai Thanh S 02 (hai) năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, 101; Điều 17, 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: Đặng Văn N (Cún) 02 (hai) năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án 11/5/2018.

Giao bị cáo Đặng Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 03 cây dao tự chế bằng kim loại thu giữ trong vụ án.

(Vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý, theo Biên bản giao nhận số 19/BB-THA ngày 09/01/2018).

3. Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa diện hợp pháp của bị hại và bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo: bà Nguyễn Thị Đ bồi thường cho bị hại 15.000.000đ; bà Hồ Thị Ch bồi thường cho bị hại 5.000.000đ; bà Nguyễn Thị D bồi thường cho bị hại 5.000.000đ; ông Nguyễn Kim C bồi thường cho bị hại 5.000.000đ; bị cáo C bồi thường cho bị hại 10.000.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Vũ H, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Phước H2, Mai Thanh S, Đặng Văn N mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 750.000đ, bà Hồ Thị Ch phải nộp 300.000đ, bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ, bị cáo C phải nộp 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí cho ông C là hộ cận nghèo có đơn xin miễn án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG TRÍ THỨC